Mẫu số 40-DS
Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP
ngày 13 tháng 01 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 52/2021/QĐST - HNGĐ	*Mường Ảng, ngày 07 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc *" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Anh Quàng Văn N, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm 1997

Nơi ĐKHKTT: Tổ D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Tổ E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 86, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 29 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Quàng Văn N và chị Lò Thị P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Quàng Văn N và chị Lò Thị P có 01 người con chung là cháu Quàng Ngọc N1, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2019.

Anh Quàng Văn N và chị Lò Thị P đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau về việc giao nuôi con chung: Chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Ngọc N1 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N1 cùng với chị P với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên một tháng, cấp dưỡng định kỳ hằng tháng. Thời gian tính cấp dưỡng nuôi con và giao nuôi con chung bắt đầu tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Quàng Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Anh Quàng Văn N và chị Lò Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Quàng Văn N tự nguyện chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và anh N tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng anh N là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên anh N được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lò Thị P tự nguyện chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP cho đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân